

# TÍN TÂM

**Thích Thanh Từ (1986)**

Sáng ngày mừng một Tết năm Bính Dần (1986), trời còn tối, cảnh vật còn lơ mờ ẩn hiện dưới ánh sao đêm. Gió núi lành lạnh từng cơn thổi nhẹ. Tất cả tăng ni Phật tử y áo chỉnh tề chuẩn bị đến thất của Thầy để làm lễ chúc thọ. Thất của Thầy nằm trên mỏm núi khác và cao hơn thiền đường chừng 20 thước.

Đi đầu là thầy Phước Hảo trụ trì của tu viện. Đoàn người lần bước trên những bậc thang bằng đá, tuy gồ ghề nhưng cũng dễ đi. Quang cảnh trên đây rất đẹp mắt và nên thơ, từ chỗ thất nhìn xuống thấy rõ khuôn viên của thiền viện. Xa xa phía dưới là thị xã Vũng tàu. Xa hơn nữa là biển cả với một bầu trời mênh mông bát ngát. Những ngọn đèn li ti của ghe thuyền đánh cá long lanh trong đêm chẳng khác nào hạt chuỗi kim cương.

Xin mời quý vị nghe bài giảng.

**Nam Mô Bổn Sư Thích ca Mâu Ni Phật.**

Để nhắc nhở quý vị năm mới về sự tu hành thì tôi sẽ nói một câu chuyện. Qua năm Bính Dần này quý vị tinh tấn tu hành đúng theo tinh thần Thiền Tông. Cho nên tôi sẽ nhắc và nói rõ về cái "Tín Tâm". Bởi vì tất cả người tu chúng ta, phần nhiều tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, mà ít có tin cái tâm của mình. Bởi vậy nên hôm nay tôi nói thẳng về cái phương pháp hay là đường lối để làm sao mình nhận hiểu, tin được cái tâm của mình.

Vậy muốn "Tín Tâm", hỏi tâm là cái gì? Bởi vì xưa nay ai cũng hay nói: "Tôi không cần đi chùa, tôi chỉ tu tâm cũng được rồi." Nhưng mà tâm là gì để mà tu? Đó là điều mà nhiều người muốn biết, nhưng không biết rõ. Hoặc trong lúc nói chuyện với nhau, người này bảo người kia rằng: "Tâm tôi nghĩ thế này, tâm tôi tính thế kia." Thì như vậy tâm là cái "nghĩ", "tính" hay là cái gì khác nữa? Đúng ra chữ tâm theo nhà Phật có nghĩa là để chỉ cho cái "biết". Bởi vì biết nghĩ, biết tính, biết tốt, biết xấu, biết dở, biết hay, tóm lại mọi cái thuộc về lãnh vực biết đó đều gọi là tâm. Bởi vậy nếu mà chúng ta không phân biệt rành rẽ thì chúng ta chỉ thấy tâm là cái biết phân biệt mà quên tâm còn là cái biết thâm lặng, sáng suốt không có phân biệt. Do đó nên trong nhà Phật chia tâm ra làm nhiều thứ để giải thích. Ở đây, tôi tổng quát chia ra làm hai loại: Loại thứ nhất là Tâm Vọng, loại thứ hai là Tâm Chân.

Tâm Vọng là cái gì? Tức là những cái biết thuộc về suy nghĩ, thuộc về phân biệt. Đó gọi là Tâm Vọng. Tâm là cái biết, mà cái biết có suy tính, cái biết phân biệt đó là động. Cho nên gọi là vọng. Vọng là dối chứ không có thật. Nó có rồi mất. Sinh rồi diệt, chứ không lâu cho nên mới là vọng. Còn cái biết mà thường hằng có, không đổi thay, bất sinh bất diệt (tức không động), không có tướng trạng thì gọi là Tâm Chân hay Chân Tâm. Thì như vậy, cái Tâm Chân thật đó là chỉ cho cái biết không bao giờ đổi thay, không bao giờ sinh diệt. Mà người đời chúng ta ai cũng chỉ nhận được cái biết, tức là cái biết suy tính về phân biệt, mà ít ai nhận được cái biết thâm lặng hằng còn mà không có sinh diệt. Bởi không nhận được điều đó nên chỉ biết cái tâm hư dối, cho là tâm thật; còn cái tâm chân thật lại quên đi.

Vì vậy cho nên trong kinh Tứ Thập Nhị Chương, Đức Phật có dạy: "Này các Tỳ Kheo, các ông chớ nên tin cái tâm của các ông. Chỉ khi nào chứng A La Hán mới nên tin." Như vậy quý vị thấy, cái tâm đó là cái tâm hư dối, mà tin nó là không được. Bởi vì nó đổi thay, tức là sinh diệt. Mà tin cái đổi thay sinh diệt thì thế nào mình cũng bị biến đổi, bị sinh diệt. Khi chứng A La Hán thì cái tâm mới là cái biết. Cái biết đó không còn sinh diệt nữa. Vì vậy cho nên lúc đó mới đáng tin.

Đức Phật muốn cho chúng ta đừng lầm lẫn hai cái tâm: tâm phân biệt hư dối và tâm lặng lẽ chân thật. Nếu mà chúng ta lấy cái hư dối mà cho là thật thì tự chúng ta bị lầm, bị mê, rồi đi trong sinh tử. Muốn biết rõ cái tâm chân thật thì phải làm sao? Bởi vì những vị tu ngộ đạo thì tự nhiên họ thấy, họ nhận ra. Còn nếu mà chưa ngộ đạo thì khó mà nhận ra, khó mà biết được. Thì giờ đây tôi chỉ y theo những lời dạy của Phật, của Tổ, để quý vị khả dĩ có thể nhận thấy được phần nào.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật thường dùng hình ảnh, Ngài nói rằng có một cái gọi là "Nhất tinh minh sinh lục hòa hợp". Tinh là rỗng rắt, Minh là sáng suốt. Tức là cái sáng suốt một cách thuần túy đó, sinh ra sáu cái hòa hợp. Sáu cái hòa hợp là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Tại sao gọi là sáu cái hòa hợp? Vì mắt mà muốn thấy thì phải có con mắt và có cảnh bên ngoài. Rồi cái thức theo đó mà phân biệt. Vì vậy cái biết của mắt phải do đủ duyên hòa hợp mới có. Còn cái ý suy nghĩ thì cũng có cái cảnh bên ngoài, có danh có tướng, rồi theo đó mà suy nghĩ. Đó cũng là chạy theo duyên, theo cảnh. Nhưng mà trong cái chạy theo duyên theo cảnh đó, lại có cái ngằm ngằm, không theo mà chúng ta

không thấy. Vì vậy cho nên chư Phật, chư Tổ luôn luôn bảo chúng ta phải khéo, đừng có lầm chạy theo cảnh mà phải thấy có cái thật ngầm ở trong đó.

Vì vậy cho nên chư thiền sư hay nói: Phải như con ngỗng chúa, khi uống sữa hòa với nước, thì chỉ uống sữa mà chừa nước lại. Chuyện đó là dễ hay khó? Cũng như vậy, ở sáu căn của mình, trong cái chỗ hòa hợp đó, mình phải làm sao nhận ra được cái thuần túy, tinh anh mà đừng theo cái hư dối phân biệt. Đó là cái khôn ngoan khéo léo mà mình phải làm. Cho nên người tu phải khéo nhận ra nơi mình có cái tinh minh sáng suốt. Cái sáng suốt đó phát ra ở sáu căn của mình gọi là sáu cái hòa hợp. Khi mắt nhìn cảnh, tai nghe tiếng, thì đừng có lệ thuộc vào cái sinh diệt bên ngoài, cái sinh diệt của vọng tâm. Mà nhờ sống được với cái chân tâm. Đó là cái khôn ngoan như con ngỗng chúa uống sữa mà bỏ nước lại. Hình ảnh này trong kinh Lăng Nghiêm do các thiền sư diễn tả lại bằng hình thức lạ lùng. Mới nghe thì khó hiểu, nhưng đến lúc thâm nhập hiểu được thì lại rất là hay.

Khi ngài thiền sư Vân Nham đến với ngài Quy Sơn, ngài Quy Sơn nói: "Nghe nói ông biết làm sư tử múa phải không?" Ngài vân Nham nói: "Phải". Hỏi: "Múa được mấy xuất?" Thì ngài nói: "Múa được sáu xuất". Sau ngài Vân Nham được thầy là ngài Dược Sơn hỏi: "Ông biết làm sư tử múa phải không?" Ngài nói: "Dạ phải." Hỏi: "Múa được mấy xuất?" Ngài nói: "Con múa được sáu xuất." Rồi ngài hỏi lại thầy: "Hòa Thượng biết làm sư tử múa không?" Ngài Dược Sơn nói: "Biết." Hỏi: "Hòa Thượng múa mấy xuất?" Ngài Dược Sơn trả lời: "Ta múa một xuất." Thì ngài Vân Nham kết luận: "Một tức là sáu, sáu tức là một." Vậy hai thầy trò nói chuyện cho vui hay là đang nói chuyện trong kinh Lăng Nghiêm? Ông thầy nói một xuất tức là Nhất Tinh Minh. Mà đệ tử nói múa sáu xuất tức là Lục Hòa Hợp. Lấy hình ảnh sư tử, vì sư tử là chúa loài thú, nó làm cho mọi loài thú đều phải kinh hoàng. Bởi vậy cho nên cái chân thật này ví như con sư tử. Còn những cái khác, những cái mộng tưởng phân biệt thì ví như các loài thú khác. Vì vậy biết làm sư tử múa là chỉ cho biết được cái thể Nhất Tinh Minh. Một xuất là Nhất Tinh Minh, mà sáu xuất là sáu cái hòa hợp.

Hiểu như vậy mình mới thấy rằng từ Phật tới Tổ đều thấy rõ nơi mình có một cái chân thật. Rồi từ cái chân thật đó theo duyên mà phát ra sáu cửa. Bởi vậy cho nên có đủ tâm chân thật mà mình không nhận, không biết, lại tưởng như là không có.

Đến chuyện một tổ sư Ấn Độ là ngài Ba la Đề. Vua diện kiến hỏi ngài về Phật Tánh. Ngài trả lời: "Nơi thai gọi là thân. Ở đời gọi là người. Nơi mắt gọi là thấy. Nơi tai gọi là nghe. Nơi mũi phân biệt các mùi. Nơi lưỡi đàm luận. Nơi tay nắm bắt. Nơi chân chạy nhảy. Biến hiện thì khắp thế giới, thu lại thì chỉ trong hạt bụi. Người hiểu cho là Phật Tánh, người không hiểu gọi là tinh hồn." Quý vị thấy Ngài có dấu điểm không? Như vậy thì ở nơi tay, nơi mũi, nơi lưỡi ... đều có mang tính chất Phật. Nên trong kinh Pháp Hoa mới nói là "Tri Kiến Phật". Hiểu thì như con ngỗng chúa biết lọc sữa uống mà chừa nước lại. Không hiểu thì như mình uống luôn cả nước, lọc không được.

Chư Tổ đã trình bày thật rõ ràng, không dấu điểm một chút nào. Nhưng vì chúng ta mê muội nhiều đời nên nghe dường như hiểu, mà không sống theo được. Đó là cái mê lầm muôn đời của chúng ta. Thiền sư Đại An còn nói rất rõ là: "Cả thấy các người, mọi người đều có viên ngọc lớn vô giá. Từ cửa con mắt phóng quang soi sáng núi sông cây cỏ. Từ cửa lỗ tai phóng quang nhận lãnh tất cả âm thanh. Sáu cửa ngày đêm phóng quang sáng, cũng gọi là phóng quang tam muội. Các người không biết lại nhận bóng trong thân tứ đại."

Nói chung là mình có một hòn ngọc quý. Nhà thiền gọi là hòn ngọc quý. Kinh Lăng Nghiêm gọi là Nhất Tinh Minh. Nhất Tinh Minh hay là hòn ngọc quý là một, nhưng tùy theo cái duyên mà phóng ra sáu cửa. Khi nó phóng ra sáu cửa thì ở tai nhận lãnh âm thanh, ở mũi nhận lãnh mùi hương. Thì như vậy nó hằng phóng quang ra sáu cửa mà mình không biết. Bởi không biết cho nên mình nhận cái bóng trong thân tứ đại. Cái bóng tức là những cái vọng tưởng suy nghĩ. Khi suy nghĩ, chúng ta chỉ suy nghĩ được những cái đã nghe tên, đã thấy tướng. Còn những cái chưa nghe tên chưa thấy tướng thì suy nghĩ không được. Như vậy có danh có tướng là có cái bóng reo rắc vào tâm hồn mình, rồi từ cái bóng đó mình duyên theo đó mà khởi ra suy nghĩ. Như vậy nó là cái duyên cái bóng mà ta suy nghĩ chứ không phải thật.

Còn cái hằng nghe thấy thì có lúc nào vắng hay không? Cái thấy cái nghe bao giờ mà vắng mất. Nhưng suy nghĩ thì chỉ có khi nào duyên theo bóng của sự vật bên ngoài mới có cái nghĩ. Vì vậy cho nên nơi mình quên đi, mình không nhận được cái chân thật phóng ra từ sáu cửa đó. Mà chỉ nhận cái bóng ở trong thân tứ đại, tức là cái vọng tưởng của mình. Thì như vậy, tất cả chúng ta bây giờ sống bằng cái tinh thần hay cái tâm của

mình? Nếu là cái tâm thì là cái tâm nào? Là cái tâm duyên theo bóng. Mà đã chạy theo bóng, duyên theo bóng thì đó không phải là thật. Mà mình cả ngày cứ sống theo cái bóng đó. Sống theo cái bóng không thật thì sẽ bị dẫn đi trong cái không thật, tức là đi trong sinh tử luân hồi, như mộng huyễn. Còn nếu mình sống chân thật thì cái vòng sinh tử luân hồi mộng huyễn không còn nữa. Đó chính là cái gốc của sự tu.

Khi tổ Huệ Khả nhận được pháp tu từ tổ Bồ Đề Đạt Ma, một hôm ngài bạch với tổ Bồ Đề Đạt Ma rằng: "Từ đây về sau, con dứt hết các duyên." Tổ Bồ Đề Đạt Ma mới nói: "Chớ rơi vào đoạn diệt." Ngài thưa: "Không rơi." Tổ hỏi: "Con làm thế nào?" Ngài trả lời: "Con rõ ràng thường biết, nói không thể đến." Tổ nói: "Đây là chỗ truyền của chư Phật, chớ có hoài nghi." Như vậy, Tổ đã chỉ cho chúng ta cái chân thật đó. Cái đó nói ai cũng có, chỉ vì mình không khéo nhận mà chỉ nhận cái bóng của sáu trần. Khi ngài nói: "Dứt hết các duyên", tức là cái tâm duyên theo cảnh theo bóng đáng sáu trần.

Khi quý Phật Tử tập ngồi thiền, có những lúc mà tâm mình lặng, nếu không phải là mơ ngủ thì lúc đó mình có thấy, có nghe và có biết mình đang lặng hay không? Mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe, và đang biết mình lặng thì đúng là "rõ ràng thường biết". Đâu phải đợi tới có cái động, tâm dấy lên rồi mới biết. Vậy rõ ràng là chúng ta có cái thường biết hiển nhiên ở nơi chúng ta. Nhưng mà khổ thay mọi người cứ đợi vọng tâm dấy lên mới cho là tâm mình, mới cho là biết. Thì đã quên mất cái rõ ràng thầm lặng ở trong rồi. Vì vậy cho nên chúng ta phải nhận cho ra mình có cái rõ ràng thường biết đó, thì đó mới là "tĩnh giác". Nhận lầm cái bóng duyên theo ngoại cảnh đó làm tâm mình thì là mê. Mà nhận chân được cái thật được gọi là giác. Trong nhà thiền gọi đó là "Kiến Tánh", tức là thấy được bản tánh bất sinh bất diệt của mình. Chữ "thấy" không phải là mắt thấy mà là nhận ra rõ ràng như vậy.

Bây giờ quý vị biết mình đã có cái tâm đó, thì phải tin cho sâu, nhận cho kỹ. Để nhận cho sâu cho đúng, tôi dẫn lời của tổ Bá Trượng. Khi ngài Thần Tán Học với tổ Bá Trượng trở về chùa với thầy, thì ông thầy tu theo kinh, chỉ biết tụng kinh thôi. Còn ông đệ tử ngộ được lý thiền, không biết làm sao cho thầy mau tỉnh. Ông lấy giấy dán lên cửa. Ở trong có con ong bay ra, thấy giấy trắng nó cứ chui đầu vào miếng giấy mà không chịu bay ra cửa trống. Ông mới làm bài thơ châm biếm ông thầy bằng hình ảnh con ong chui đầu vào giấy. Đại ý là cửa trống mà không chịu ra, chui đầu vào giấy biết đời nào ra khỏi.

Ông thầy nghe thì hơi bức, nhưng cũng lấy làm lạ mới hỏi: "Chú mày đi học đạo mấy năm nay được gì mà sao nói năng lạ vậy?" Ngài Thần Tán nói rằng đã được tổ Bá Trượng chỉ cho một con đường tu hành. Ông thầy cũng bỏ qua.

Ngày kia ông thầy đi tắm, đệ tử mới kỳ lưng giùm. Trong lúc kỳ lưng thì ông đệ tử vỗ vỗ sau lưng mà nói: "Điện Phật đẹp mà Phật không có thánh!" (Không có thánh tức là không có sáng.) Ông thầy ngó lại hỏi: "Chú mày nói cái gì?" Nói: "Tuy Phật không sáng mà biết phóng quang." Ông thầy nói: "Ngày mai để hội chúng lại, để chú mày lên giảng cho tôi nghe coi." Thì hôm sau, thầy làm thỉnh giả ngồi ở dưới, còn đệ tử lên trên tọa ngôi giảng. Bài giảng đầu tiên của ông là dẫn lời ngài Bá Trượng:

Linh quang độc chiếu  
Siêu xuất căn trần  
Thể hiện chân thường  
Bất câu văn tự  
Tâm tánh vô nhiễm  
Bỏ tự viên thành  
Đản ly vọng duyên  
Tức như như Phật

Qua câu đó rồi ông thầy giác ngộ. Ông nói: "Tôi chưa bao giờ được nghe giáo lý tuyệt vời như vậy." Linh quang độc chiếu nghĩa là cái sáng suốt long lanh chiếu rọi, có khác gì nói có hòn ngọc báu ở trong. Siêu xuất căn trần tức là vượt khỏi sáu căn trần, sáu căn thuộc về cái thân, là tướng sinh diệt, sáu trần thuộc về duyên hợp, mà duyên hợp cũng là tướng sinh diệt. Cho nên cái này vượt khỏi cả căn và trần vì nó không phải sinh diệt. Thể hiện chân thường nghĩa là ở trong đó hiện bày cái chân thường. Bất câu văn tự là nó không thuộc về chữ nghĩa. Tâm tánh vô nhiễm là cái tánh của tâm không bị nhiễm, nói cái tánh của tâm để chỉ cái tâm chân thật, không phải chỉ cái tâm phân biệt hư dối. Tâm chân thật không nhiễm vì vậy mà Lục Tổ khi giác ngộ có nói bài kệ sau đây:

Bản lai vô nhất vật  
Hà xứ nhạ trần ai

Nghĩa là xưa nay nó không phải một vật nào, thì chỗ nào mà dính bụi bặm? Tức là không nhiễm.

Bổn tự viên thành, vốn tự tròn đủ nghĩa là nó tự tròn đủ chứ không thiếu thốn gì hết. Đản ly vọng duyên và Tức như như Phật, hai câu này có nghĩa là muốn sống với tâm tánh không nhiễm đó thì lìa các vọng duyên (tức là cái tâm hư dối), lúc đó gọi là "như như Phật". Phật là giác, như như là lặng lẽ, tức là cái biết lặng lẽ, hay là chân tâm.

Như vậy, ngài Bá Trượng chỉ cho thấy mọi người chúng ta có cái chân thật. Cái chân thật đó sáng suốt, siêu xuất cả sáu căn trần, luôn luôn hiển bày tướng chân thật mà không vướng kẹt trong văn hay chữ. Bản tính đó lại không ô nhiễm. Nó tự tròn đủ. Muốn sống với nó chỉ cần lìa các vọng duyên thì tự nó như như Phật. Như vậy thì tìm Phật khó hay dễ? Chỉ chịu khó lìa vọng duyên là được. Nói như vậy thì đường tu không phải xa mà cũng không phải khó. Xa hay khó là tại ta chưa chịu lìa vọng duyên, chứ lìa được thì như như Phật.

Để cho quý vị thấy rõ hơn, tôi sẽ dẫn một đoạn trong Tín Tâm Minh, Tổ Tăng Xáng có dạy:

Nhãn nhược bất thụ

Chư mộng tự trừ

Tâm nhược bất dị

Vạn pháp nhất như

Nhãn nhược bất thụ, mắt mà nếu không ngủ, thì chư mộng tự trừ, tức là mộng không hiện ra. Tâm nhược bất dị và vạn pháp nhất như là tâm mà không có khác nghĩa là không có dấy niệm thứ hai hoặc thứ ba nào, chỉ có một cái "rõ ràng thường biết" mà không có dấy niệm nào khác thì muôn pháp là nhất, là như. Không khởi niệm là ví dụ cho con mắt không ngủ, mà mắt không ngủ thì đâu có thấy mộng. Mà nếu dấy niệm như con mắt ngủ thì muôn pháp thiên thai vạn biệt, là mộng này hết tới mộng kia. Như vậy, muốn hết mộng thì chịu khó mở mắt. Muốn cho tâm cảnh nhất như thì đừng khởi niệm. Không có niệm khác thì là nhất như. Thí dụ khi ngồi nhìn trời nhìn mây mà không có một niệm nào hết, thì trời mây có phân biệt cái này đẹp cái kia xấu, hay cái này tên A cái kia tên B gì không?

Vì vậy chủ yếu của người tu là phải biết rõ làm sao biết rõ cái chân thật, đừng chạy theo vọng tưởng. Vọng tưởng lặng rồi thì muôn pháp nhất như. Chứ không phải nhồi uồn muôn pháp để trở thành một khối nhất như. Do đó ở đây nói "Tâm nhược bất dị,

vạn pháp nhất như" thì chẳng khác ở trên tổ Bá Trượng nói "Đản ly vọng duyên, tức như như Phật."

Cũng trong Tín Tâm Minh có đoạn ngài nói:

Viên đồng thái hư

Vô khiếm vô dư

Nhân do thủ xả

Sở dĩ bất như

Nghĩa là mình có thể tánh, tánh đó tròn bằng hư không (thái hư là trùm cả hư không.) Vô khiếm vô dư tức là không thừa không thiếu. Hư không tới đâu thì tâm thể mình tới đó. Vì tâm thể mình không tướng mà hư không cũng không tướng. Nhân do thủ xả, sở dĩ bất như; thủ là lấy, xả là bỏ, bởi mình có lấy có bỏ nên không được như. Nếu có lấy có bỏ, tức là tâm có khác, có "dị" rồi. Mà tâm đã "dị" thì vạn pháp đâu có "nhất như." Nếu bỏ cái "thủ xả" thì sẽ được "như". Thì ta thấy tất cả niệm khởi lên là theo hai bên - thủ hoặc xả, khen hoặc chê, có hay không. Vì vậy cho nên còn chấp hai bên là tâm không như. Vừa dấy niệm là đều nằm trong cái "hai bên", nếu niệm lặng xuống thì là không hai. Do là chỗ thiết yếu phải thấy cho thật rõ.

Khi kết thúc Tín tâm Minh, tổ có nói: "Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm". Tín tâm thì không hai, không hai là tín tâm. Thì ta tin tâm chưa? Nếu còn thấy hai là chưa tin. Chữ tin ở đây không phải tin là biết có cái đó. Chữ tin này là tin nhận là mình nhận được cái tâm chân thật. Mà muốn nhận được tâm chân thật là tin tâm không còn thấy hai. Còn có hai là không bao giờ nhận được tâm chân thật.

Vì vậy nên ngài kết luận là "Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm." Bởi vì cái tâm chân thật đó là không có niệm. Mà dấy niệm tức là hai. Muốn nhận nó thì phải đừng dấy niệm. Cho nên các chư tổ ngày xưa, khi mình dấy niệm hỏi cái gì có tính cách đối đãi thì đều bị ăn đòn. Chính là để tập cho mình đừng thấy đó là cái lỗi, đừng chạy theo nó nữa. Nếu không theo hai nữa thì mới tin được tâm, tâm đó là tâm Phật. Nếu tin được tâm đó tức là tin được ông Phật của mình. Tin được Phật mình, nhận được Phật mình thì sớm muộn cũng thành Phật. Cho nên nói Kiến Tánh Thành Phật, mà ai tu lại không muốn thành Phật. Mà muốn được thành Phật thì phải tin nhận cái tâm của mình, thì phải đừng bị cái vọng tưởng dẫn dắt.



Bây giờ tôi dẫn trong kinh Chứng Đạo Ca một đoạn cho quý vị thấy cũng y như vậy.

Thể nhược hư không vô nhai ngại  
Bất ly đương xứ thường trạm nhiên  
Mịch tức trí quân bất khả kiến

Nghĩa là cái tâm thể đó giống như hư không, không có bờ bến. Làm sao sống được cái thể đó và làm sao mà biết được cái thể đó? "Bất ly đương xứ thường trạm nhiên" nghĩa là không rời ngay chỗ này, mà nó thường lặng lẽ. Ngay chỗ này tức là chỗ ta đang ngồi có cái lặng lẽ, tức là có ông Phật hiện lên. Thì như vậy đâu có phải chạy đi tìm ở đâu, mà ngay ở đây có ông Phật hiện tiền rồi. "Mịch tức trí quân bất khả kiến" là khởi cái niệm tìm thì mất tiêu, không bao giờ thấy ông Phật đó. Lặng lẽ ngồi yên như vậy thì ông Phật hiện tiền, giờ dấy niệm tìm thì mất tiêu. Mới thấy cái tâm thể của mình là trùm khắp mà cái vọng tưởng của mình lại giới hạn trong con người. Khi ta nghĩ về cái cây thì vọng tưởng chỉ duyên theo bóng của cái cây. Nó có giới hạn, nghĩ cái đó rồi nó mất.

Thì như vậy, cái tưởng giới hạn và tạm bợ mà ta cho nó là mình. Còn cái tâm thể trùm cả hư không chưa bao giờ sinh diệt mình đã lại quên. Đó là điều thật đáng thương cho chúng ta. Bỏ cái chân thật, chạy theo cái hư dối để rồi lẫn lộn trong vòng luân hồi sinh tử. Bởi vậy cho nên chư Phật, chư Tổ thương xót ra đời chỉ cho mình điều đó. Nhưng mình không chịu làm theo lời Phật dạy. Như vậy Phật, Tổ phụ mình hay là mình phụ Phật, Tổ? Như vậy mới thấy chúng ta là người quý kính Phật, mà vô tình chúng ta bỏ rơi Phật. Công ơn Phật chỉ cho chúng ta, chúng ta không cố gắng thực hiện mà chúng ta đành bỏ qua để rồi sống với cái cuồng loạn của chúng ta. Bởi vậy cho nên mình hiểu đạo để mà tu, chứ không phải để mà nói.

Chúng ta làm sao ứng dụng được những điều Phật tổ dạy dỗ để mình trở lại cái tâm chân thật của mình. Hãy nhớ cái thân này là tứ đại hòa hợp, cái tâm vọng tưởng đó là duyên theo bóng dáng sáu trần. Mà cái gì hợp thì cái đó phải tan, cái duyên theo bóng dáng là cái hư dối, cái sẽ tan và cái hư dối lại chấp thiết là mình. Còn cái chưa bao giờ sinh diệt trùm cả hư không mà mình lại bỏ quên. Như vậy có chẳng đúng như trong kinh Pháp Hoa mà nói chàng Cùngthử ra nhận mình là con ông trưởng giả thì kho báu đầy nhà, mà lại không chịu nhận, đi hốt phân sống qua ngày. Hình ảnh đó mới nói lên cái tâm

điên hùng của chúng ta. Có cái chân thật chúng ta có quyền hưởng trọn vẹn mà không chịu hưởng để rồi đi nhận một cái rất là tầm thường mà hài lòng, mà hãnh diện.

Như vậy những người chạy theo cái tầm thường mà lại hãnh diện thì ta thấy họ thật là đáng thương. Nếu họ ngồi ăn một mâm cơm đầy những thứ cao lương mỹ vị thì khi mới nhìn thấy họ sang, họ ăn ngon. Nhưng mà lúc đầy bụng khó tiêu rồi mới thấy khổ, rồi một lát ra hơi hám, có gì đâu! Vậy mà hài lòng, vậy mà quý kính. Đó thật là khờ dại. Còn cái chân thật thanh tịnh sẵn sàng đó mà lại bỏ quên. Như vậy chúng ta tu cốt là phải trở về cái chân thật đó, sống được với cái chân thật đó mới là biết đạo, mới thật là người tu. Chứ còn chạy theo cái bóng dáng bên ngoài, dù được bao nhiêu, dù hay bao nhiêu cũng là ảo ảnh mà thôi cái chân thật đó gọi là chân tâm hay là Phật Tính.

Để kết luận, tôi sẽ nhắc lại bài kệ của cư sĩ Bàn Long Uẩn:

Đản tự vô tâm ử vạn vật  
Hà phóng vạn vật thường vi nhiễu  
Thiết ngu bắt hạ sư tử hồng  
Kháp tử mộc nhân khán họa điều  
Mộc nhân bản thể tự vô tình  
Họa điều phùng nhân diệc bất kinh  
Tâm cảnh như như chỉ giá thị  
Hà lư bồ đề đạo bất thành

Tôi tạm dịch:

Chỉ tự vô tâm cùng vạn vật;  
Ngại gì vạn vật thường quấy nhiễu;  
Trâu sắt sợ gì sư tử rống;  
Giống như người gỗ xem chim vẽ;  
Người gỗ bản thể tự vô tình;  
Chim vẽ gặp người cũng chẳng kinh;  
Tâm cảnh như như chỉ thể ấy;  
Nào sợ bồ đề đạo chẳng thành.

Mở đầu bằng câu "Chỉ tự vô tâm cùng vạn vật", vô tâm đó là vô cái tâm mà Đức Phật bảo các Tỷ Kheo "Đừng tin tâm các ông." Vô tâm đó là vô cái "tâm vọng tưởng điên

đảo", thì chỉ tự vô tâm cùng vạn vật, tức là không có cái tâm điên đảo chạy theo muôn vật. Thì ngại gì vạn vật thường quấy nhiễu. Thì ngại gì nói rằng cái này cái kia nó vây quanh tôi làm tôi tu không được. Thí dụ trước mình có một món đồ quý, món đồ quý người ta để trước mắt mình thì nó là nó, mình là mình. Chứ đâu phải tại cái món đồ quý này mà tôi tu không được. Lại nói tại tôi thấy nó tôi tham, tôi tham nên tôi tu không được. Chứ đồ quý là đồ quý, mình là mình, đừng có dấy niệm tham thì có gì đâu mà tu không được. Rồi qua những tiếng khen tiếng chê, thì tiếng khen tiếng chê qua rồi nó mất, mình đừng thêm quan trọng nó, đừng thêm dính tới nó thì có gì đâu mà tu không được. Nhưng mà được người ta khen thì cứ nhớ hoài, bị người ta chê thì cứ giận hoài thì như vậy tu không được. Tu không được là tại mình giữ nó lại, mình duyên nó mãi thì tu không được. Chứ nếu nó qua rồi thì qua như gió thổi, như những tiếng pháo nổ. Qua rồi thì có gì đâu mà tu không được.

Như vậy tu không được là tại cái nào? Tại hữu tâm với vạn vật đó phải không? Hữu tâm, thế gian gọi là hữu tình. Thấy cái gì cũng cột cũng níu ở trong đó cho nên rồi đổ thừa cái này cái kia "mấy cái đó làm lãng xăng cho nên tôi tu không được." Mà hỏi trên thế gian này đứng chỗ nào mà không có cái lãng xăng? Thì chỗ nào cũng có lãng xăng. Nếu mình đừng chạy theo nó thì hết lãng xăng. Cho nên ông đưa ra hai câu: "Chỉ tự vô tâm cùng vạn vật" và "Ngại gì vạn vật thường quấy nhiễu." Nó không quấy nhiễu mình nếu mình không có tâm với nó. Còn nếu mình có tâm với nó thì đổ thừa tại nó quấy nhiễu mình. Rồi ngài dùng thí dụ "Con trâu sắt không sợ sư tử rống." Bởi vì khi sư tử rống lên thì trâu hay voi cũng phải chạy hết. Bây giờ gặp phải con trâu sắt, cho dầu sư tử rống tới đâu, trâu sắt cũng không sợ. Đó là thí dụ thứ nhất. Thí dụ thứ nhì giống như người gỗ xem chim vẽ. Người gỗ mà đứng nhìn con chim vẽ thì hai cái đó ra sao? Ở đây ngài nói người gỗ bản thể tự vô tình. Người gỗ đâu có tình, rồi chim vẽ gặp người cũng chẳng kinh. Nó thấy người gỗ nó cũng chẳng sợ.

Ba hình ảnh con trâu sắt, người gỗ và con chim vẽ, cả ba đều không sợ ai hết. Không sợ là sao? Là tại nó vô tình vô tâm. Mình nếu được vô tâm với vạn vật thì không có cái gì, vật nào có thể quấy nhiễu mình được. Ngài kết thúc bằng hai câu:

Tâm cảnh như như chỉ thể ấy  
Nào sợ bỏ đề đạo chẳng thành

Tức là đối với cảnh, tâm mình nó như như không có chạy theo, thì nào sợ bỏ đề đạo chẳng thành! Nếu tâm mình không chạy theo cảnh, thì đừng có lo không thành đạo bỏ đề, mai chiều sẽ thành chứ không có lo gì hết. Sở dĩ mình không thành đạo bỏ đề là tại cái tâm mình chạy theo cảnh. Nếu tâm không chạy theo cảnh thì tâm cảnh đều như như. Tâm cảnh như như thì đạo bỏ đề hiện tiền chứ không phải kiếm đâu nữa hết.

Như vậy để thấy rằng chư Phật, chư Tổ đều chỉ rõ chỗ yếu điểm tu hành cho mình đó. Cái yếu điểm đó là tâm đừng chạy theo cảnh. Tâm không chạy theo cảnh thì tâm cảnh như như. Mà tâm cảnh như như thì đó là đạo bỏ đề hiện tiền. Như vậy khi muốn thành Phật, Phật cũng hiện ra trước mắt. Còn mình nóng tìm kiếm mà tâm cứ động hoài thì không bao giờ thấy Phật. Vì vậy cho nên mong rằng qua năm mới tất cả tăng ni phật tử chúng ta, kể cả tôi nữa, đều nỗ lực cố gắng tu hành. Mà tu hành ở đây không có nghĩa là chúng ta phải lấy một ngày vạn Phật hay là sám hối ngày mười thời, mà chúng ta phải đừng để tâm chạy theo cảnh. Tâm và cảnh được như như đó là yếu tố chúng ta không có phụ công ơn Phật, Tổ và các vị Thiện Trí Thức đã chỉ dạy chúng ta. Như vậy mới xứng đáng con giòng họ Thích, mới không hổ thẹn xưng ta là Thích Tử. Chứ còn để tâm rong ruổi theo vọng cảnh thì dầu chúng ta thương Phật thế mấy cũng không gặp được Phật.

Thiền viện Chân Không, Vũng Tàu, Xuân Bính Dần, 1986.

Thích Thanh Từ

